



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	04
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 42



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint Stock Company (tên viết tắt là Afix) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Mã Chứng khoán Công ty là: AFX.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0296 3932 963

Fax : 0296 3932 981

Mã số thuế : 1600194461

### **2. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị:**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Đặng Quang Thái	Chủ tịch	04/02/2021	
Ông Trịnh Quốc Bình	Thành viên	04/02/2021	
Ông Nguyễn Đình Duy	Thành viên	04/02/2021	
Ông Vũ Văn Hải	Thành viên	04/02/2021	
Ông Phạm Anh Vũ	Thành viên	04/02/2021	
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	04/02/2021	
Ông Đặng Minh Thừa	Chủ tịch		04/02/2021
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên		04/02/2021
Ông Phạm Ngọc Long	Thành viên		04/02/2021
Ông Chế Minh Lý	Thành viên		04/02/2021
Ông Trần Văn Lắm	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên		04/02/2021

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc	01/02/2021	
Ông Hứa Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc		01/02/2021
Ông Phạm Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc		01/02/2021
Ông Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc		01/02/2021

#### **Ban Kiểm Soát**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Bà Trần Kim Uyên	Trưởng ban	18/06/2020	
Ông Trần Khánh Giang	Trưởng ban		18/06/2020
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên		
Bà Hồng Lệ Vân	Thành viên		04/02/2021
Ông Trần Trọng Bình	Thành viên	04/02/2021	

#### **Đại diện pháp luật**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc	01/02/2021	
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc		01/02/2021

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **7. Công bố báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc công bố các báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**HƯA MINH TRÍ**

**Phó Tổng Giám đốc**

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

Số: 026/2021/BCKT-CT.00106

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ  
TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2021

**NGUYỄN THỊ THANH MINH**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>287.384.751.778</b>	<b>327.931.185.236</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.764.771.521	3.284.302.038
Tiền	111	5.1	12.764.771.521	3.284.302.038
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.100.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	70.100.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.411.450.073	48.997.673.368
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	60.420.239.013	52.764.294.467
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.858.126.225	2.186.376.904
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.196.726.057	826.844.564
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(7.063.641.222)	(6.779.842.567)
Hàng tồn kho	140	5.7	141.169.520.606	274.845.205.188
Hàng tồn kho	141		141.601.905.432	276.161.762.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(432.384.826)	(1.316.556.970)
Tài sản ngắn hạn khác	150		939.009.578	804.004.642
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	658.306.100	542.102.831
Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.703.478	207.303.846
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	54.597.965
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.990.641.574</b>	<b>145.427.107.254</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		90.371.257.013	85.557.730.472
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	46.882.234.102	41.080.526.443
Nguyên giá	222		280.700.270.128	270.985.357.961
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.818.036.026)	(229.904.831.518)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	43.489.022.911	44.477.204.029
Nguyên giá	228		47.572.942.345	47.572.942.345
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.083.919.434)	(3.095.738.316)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.815.139.007	15.780.879.735
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	15.815.139.007	15.780.879.735
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.750.000.000	18.750.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.900.000.000	6.900.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.154.245.554	18.438.497.047
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	16.154.245.554	18.438.497.047
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>435.375.393.352</b>	<b>473.358.292.490</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>57.910.794.914</b>	<b>114.772.596.207</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.437.294.914</b>	<b>114.455.096.207</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	19.743.962.122	25.510.382.798
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.095.579.996	2.540.951.591
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.228.441.831	112.495.708
Phải trả người lao động	314		-	1.595.998.279
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	830.841.077	552.626.154
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180.000.000	166.666.668
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	1.706.716.728	1.676.440.927
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	29.238.503.228	81.708.284.150
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.18	413.249.932	591.249.932
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>473.500.000</b>	<b>317.500.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	473.500.000	317.500.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>377.464.598.438</b>	<b>358.585.696.283</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>377.464.598.438</b>	<b>358.585.696.283</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.256.585.962	8.256.585.962
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.208.012.476	329.110.321
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		329.110.321	206.591.166
LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.878.902.155	122.519.155
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>435.375.393.352</b>	<b>473.358.292.490</b>

  
**HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO**  
 Người lập biểu

  
**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
 Kế toán trưởng



  
**HỨA MINH TRÍ**  
 Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>760.990.568.787</b>	<b>784.988.323.880</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	10.820.494.220	11.840.720.257
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>750.170.074.567</b>	<b>773.147.603.623</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>705.632.335.802</b>	<b>722.204.298.100</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>44.537.738.765</b>	<b>50.943.305.523</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	10.473.157.891	3.045.282.910
Chi phí tài chính	22	6.5	4.048.158.500	7.642.498.233
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.200.781.679	5.776.416.006
Chi phí bán hàng	25	6.6	17.276.132.488	22.731.899.503
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	12.895.170.127	13.917.335.154
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>20.791.435.541</b>	<b>9.696.855.543</b>
Thu nhập khác	31	6.8	974.201.699	2.245.227.764
Chi phí khác	32	6.9	664.354.436	11.741.977.966
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>309.847.263</b>	<b>(9.496.750.202)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.101.282.804</b>	<b>200.105.341</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	2.222.380.649	77.586.186
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>18.878.902.155</b>	<b>122.519.155</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>			<b>539</b>	<b>4</b>

**HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO**  
Người lập biểu

**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Kế toán trưởng



**HỨA MINH TRÍ**  
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021

75-00  
CÔNG TY  
KHUẨN  
OÁN  
T N A  
I ANH  
HO  
TP. C P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>21.101.282.804</b>	<b>200.105.341</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.180.877.575	10.419.028.004
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		(600.373.489)	697.198.770
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		178.042	25.595
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.808.474.713)	(2.919.882.626)
Chi phí lãi vay	06		2.200.781.679	5.776.416.006
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>23.074.271.898</b>	<b>14.172.891.090</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.751.784.439)	6.683.789.235
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		134.559.856.726	(7.040.044.399)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.352.348.937)	7.129.133.722
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.168.048.224	8.308.901.654
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.207.479.395)	(6.043.330.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(77.354.367)	(32.672.313)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(178.000.000)	(1.040.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>141.235.209.710</b>	<b>22.138.668.282</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.225.881.881)	(1.408.082.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		426.263.635	1.894.890.908
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.100.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.614.836.983	2.937.251.256
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(79.284.781.263)</b>	<b>3.424.060.164</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	350.073.880.983	581.850.422.791
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(402.543.661.905)	(604.897.222.799)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.219.870.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(52.469.780.922)</b>	<b>(28.266.670.758)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>		<b>9.480.647.525</b>	<b>(2.703.942.312)</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(178.042)	(25.595)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	5.1	<b>12.764.771.521</b>	<b>3.284.302.038</b>

**HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO**  
Người lập biểu

**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Kế toán trưởng



**HỮA MINH TRÍ**

Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang là công ty cổ phần.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Xay xát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ, sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Sơ chế gỗ; sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Xuất khẩu Lương Thực	Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lương thực
Chi nhánh Xí nghiệp Thức Ăn Chăn nuôi Thủy Sản	Quốc lộ 91, Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Thức ăn gia súc
Chi nhánh Xí nghiệp Chế biến Lâm Súc Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lâm súc sản
Chi nhánh Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	Áp Trung Bình Tiến, xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.	Chăn nuôi
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 1, Số 283/26-28 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản	25%	25%	25%

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được so sánh với số liệu tương ứng của năm trước.

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 239 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 248 người).

## 2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty có khoản vay ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

##### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần thực hiện phân bổ.

#### ***Chi phí khác chờ phân bổ***

Chi phí khác chờ phân bổ như: đàn heo mẹ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế là 80 tháng.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định khác	04 - 25 năm

### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

#### **4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



#### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

#### 4.17 Quỹ tiền lương

Công ty đã trích chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở kế hoạch lương đã được thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2020 theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### 4.18 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

#### 4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.20 Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

5-002  
TY  
HỮU H  
ẤN  
NAM  
NH  
10  
P. CÁN



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**4.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt - VND	717.963.549	2.670.999.042
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.046.807.972	613.302.996
- VND	11.918.423.986	482.396.959
- EUR (*)	6.380.963	6.173.062
- USD (*)	122.003.023	124.732.975
	<b>12.764.771.521</b>	<b>3.284.302.038</b>

(\*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ VND	Tương đương VND
- EUR	228,07	6.380.963
- USD	5.299,47	122.003.023
		<b>128.383.986</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	70.100.000.000	70.100.000.000	-	-
	<b>70.100.000.000</b>	<b>70.100.000.000</b>	-	-

(\*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng sau:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang có kỳ hạn từ 184 ngày đến 186 ngày, lãi suất 6,5%/năm.
- Tiền gửi tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh An Giang có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 6,90%/ năm - 7,0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	18.750.000.000	-	(*)	18.750.000.000	-	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	6.900.000.000	-	(*)	6.900.000.000	-	(*)
	<b>25.650.000.000</b>	<b>-</b>		<b>25.650.000.000</b>	<b>-</b>	

(\*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Cửa hàng Hoàng Quý	1.740.301.217	5.829.761.206
Công ty TNHH Thanh Nguyên	1.076.429.440	1.126.429.440
Công ty TNHH Cargill Việt Nam	-	116.872.368
Ông Trần Quang Khải (Thoại Sơn)	2.893.145.675	2.689.110.450
Ông Trần Chí Thiện	23.182.843.570	16.626.240.080
Ông Phạm Văn Năm (Long Xuyên)	5.286.752.220	5.879.174.220
Ông Cao Lương Tri (Mỹ Thạnh)	6.379.128.506	5.204.111.490
Các khách hàng khác	19.861.638.385	15.292.595.213
	<b>60.420.239.013</b>	<b>52.764.294.467</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Pesquera Pacifica Star S.A	1.744.434.225	1.142.359.680
Công ty TNHH Phước Thịnh	979.672.500	979.672.500
Các đối tượng khác	134.019.500	64.344.724
	<b>2.858.126.225</b>	<b>2.186.376.904</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Lãi dự thu của các HĐ tiền gửi có kỳ hạn	1.681.209.590	-	-	-
Phải thu các hộ nông dân tiền Công ty TNHH Thanh Nguyên - Phải thu về lãi bán hàng chậm trả	140.455.087 605.238.149	- (605.238.149)	140.455.087 605.238.149	- (605.238.149)
Dự thu lãi chậm thanh toán tiền thức ăn gia súc	1.465.440.233	-	-	-
Dự thu lợi nhuận góp vốn đầu tư năm 2020 Công ty TNHH TM Sài Gòn An Giang	1.097.160.859	-	-	-
Dự thu lợi nhuận góp vốn liên doanh năm 2020 Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	1.186.222.139	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	21.000.000	-	81.151.328	-
	<b>6.196.726.057</b>	<b>(605.238.149)</b>	<b>826.844.564</b>	<b>(605.238.149)</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm</b>				
Bà Võ Thị Kim Mai	-	-	236.173.858	118.086.929
Ông Tạ Hoàng Duy	-	-	1.759.512.000	1.231.658.400
<b>Nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</b>				
Ông Tạ Hoàng Duy	1.759.512.000	879.756.000	499.915.920	249.957.960
<b>Nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</b>				
Ông Tạ Hoàng Duy	499.915.920	149.974.776	-	-
<b>Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên</b>				
Công ty cổ phần Việt An	3.172.603.989	-	3.172.603.989	-
Công ty TNHH Thanh Nguyên	1.681.667.589	-	1.731.667.589	-
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	-	979.672.500	-
	<b>8.093.371.998</b>	<b>1.029.730.776</b>	<b>8.379.545.856</b>	<b>1.599.703.289</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	(5.800.170.067)	(979.672.500)	(6.779.842.567)
Trích lập dự phòng	(451.885.584)	-	(451.885.584)
Hoàn nhập dự phòng	168.086.929	-	168.086.929
Tại ngày 31/12/2020	<b>(6.083.968.722)</b>	<b>(979.672.500)</b>	<b>(7.063.641.222)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	58.105.015.177	-	138.976.923.549	-
Công cụ, dụng cụ	3.882.684.500	-	4.746.843.823	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	66.696.208.112	(432.384.826)	36.436.925.498	(895.724.331)
Thành phẩm	9.935.730.207	-	79.505.521.388	(420.202.849)
Hàng hoá	2.982.267.436	-	10.904.515.012	(629.790)
Hàng gửi đi bán	-	-	5.591.032.888	-
	<b>141.601.905.432</b>	<b>(432.384.826)</b>	<b>276.161.762.158</b>	<b>(1.316.556.970)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với tổng giá trị là 47.200.000.000 VND.

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	308.184.076	203.113.118
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	211.249.804	215.949.424
Bảo hiểm hàng hóa, tài sản, con người,...	94.908.065	116.287.289
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.964.155	6.753.000
	<b>658.306.100</b>	<b>542.102.831</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	9.900.375.688	15.557.733.220
Giá trị đàn heo chờ phân bổ	3.611.427.516	336.783.259
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.642.442.350	2.543.980.568
	<b>16.154.245.554</b>	<b>18.438.497.047</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong vòng 10 năm. Tổng giá trị lợi thế kinh doanh đã phân bổ theo Thông tư 138/2012/TT-BTC đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 46.673.199.639 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2020	121.763.014.019	120.971.153.776	21.708.142.478	3.480.356.700	3.062.690.988	270.985.357.961
Tăng từ mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản	1.091.667.375	11.722.186.234	377.769.000	-	-	13.191.622.609
Thanh lý, nhượng bán	(315.960.899)	(2.700.749.543)	(460.000.000)	-	-	(3.476.710.442)
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>	<b>122.538.720.495</b>	<b>129.992.590.467</b>	<b>21.625.911.478</b>	<b>3.480.356.700</b>	<b>3.062.690.988</b>	<b>280.700.270.128</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2020	96.498.014.533	110.045.913.723	18.429.245.187	2.916.162.480	2.015.495.595	229.904.831.518
Khấu hao trong năm	2.828.917.842	3.494.547.051	568.764.670	194.856.544	105.610.350	7.192.696.457
Thanh lý, nhượng bán	(238.873.850)	(2.635.544.133)	(405.073.966)	-	-	(3.279.491.949)
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>	<b>99.088.058.525</b>	<b>110.904.916.641</b>	<b>18.592.935.891</b>	<b>3.111.019.024</b>	<b>2.121.105.945</b>	<b>233.818.036.026</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2020	25.264.999.486	10.925.240.053	3.278.897.291	564.194.220	1.047.195.393	41.080.526.443
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>	<b>23.450.661.970</b>	<b>19.087.673.826</b>	<b>3.032.975.587</b>	<b>369.337.676</b>	<b>941.585.043</b>	<b>46.882.234.102</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</b>						
Vào ngày 01/01/2020	62.082.934.908	63.310.227.347	16.087.884.846	935.476.331	1.107.761.170	143.524.284.602
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>	<b>64.532.019.331</b>	<b>88.006.339.445</b>	<b>16.077.884.846</b>	<b>2.817.061.700</b>	<b>1.107.761.170</b>	<b>172.541.066.492</b>
<b>Giá trị tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay</b>						
Vào ngày 01/01/2020	13.626.448.516	6.769.414.822	-	-	-	20.395.863.338
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>	<b>10.475.543.202</b>	<b>4.418.880.573</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.894.423.775</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND
Vào ngày 01/01/2020	47.314.548.475	258.393.870	47.572.942.345
Vào ngày 31/12/2020	<b>47.314.548.475</b>	<b>258.393.870</b>	<b>47.572.942.345</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2020	2.837.344.446	258.393.870	3.095.738.316
Khấu hao trong năm	988.181.118	-	988.181.118
Vào ngày 31/12/2020	<b>3.825.525.564</b>	<b>258.393.870</b>	<b>4.083.919.434</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2020	44.477.204.029	-	44.477.204.029
Vào ngày 31/12/2020	<b>43.489.022.911</b>	-	<b>43.489.022.911</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>			
Vào ngày 01/01/2020	-	258.393.870	258.393.870
Vào ngày 31/12/2020	-	258.393.870	258.393.870
<b>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty:</b>			
Vào ngày 01/01/2020	43.047.435.730	-	43.047.435.730
Vào ngày 31/12/2020	<b>42.059.254.612</b>	-	<b>42.059.254.612</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2020	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Giảm khác VND	31/12/2020 VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	VND	VND	VND	VND	VND
Cân định lượng TC-CNL60	-	75.000.000	(75.000.000)	-	-
Hệ thống bầu góp hơi và đường ống	-	318.219.000	(318.219.000)	-	-
Dây điện cadivi CV 120	-	59.550.000	(59.550.000)	-	-
Hệ thống PCCC nhà bao che lò hơi	-	60.000.000	(60.000.000)	-	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>					
Dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc (*)	15.717.711.735	-	-	-	15.717.711.735
Cải tạo Chiatung 1	37.588.000	3.947.000.000	(3.984.588.000)	-	-
Nhà bao che lò hơi 12T/h	-	1.091.667.375	(1.091.667.375)	-	-
Lò hơi 12 tấn/giờ	25.580.000	4.999.007.325	(5.024.587.325)	-	-
Hệ thống máy tách màu SC768	-	1.602.710.909	(1.602.710.909)	-	-
Xây dựng cơ bản khác	-	1.025.637.272	(975.300.000)	(17.510.000)	32.827.272
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>					
Sửa chữa các dây chuyền Heo	-	1.016.626.540	-	(1.016.626.540)	-
Sửa chữa tài sản cố định khác	-	1.042.977.854	-	(978.377.854)	64.600.000
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>	<b>15.780.879.735</b>	<b>15.238.396.275</b>	<b>(13.191.622.609)</b>	<b>(2.012.514.394)</b>	<b>15.815.139.007</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú với diện tích 22.287,4 m<sup>2</sup> tương ứng với tổng giá trị là 15.717.711.735 VND hiện tạm dừng đầu tư để thực hiện chuyển nhượng hoặc khai thác các phương án sử dụng khác có hiệu quả hơn theo đề án tái cơ cấu doanh nghiệp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>		
Công ty TNHH Nông Sản Hồng Phương	3.382.796.300	517.661.000
Công ty TNHH Hiệp Lực	3.179.382.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Trại Việt	-	1.192.250.000
Công ty TNHH Thiết Lập	3.293.919.000	2.036.174.000
Công ty Cổ phần Hum	-	13.576.941.600
Các đối tượng khác	9.887.864.822	8.187.356.198
	<b><u>19.743.962.122</u></b>	<b><u>25.510.382.798</u></b>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>		
Ông Trương Văn Sẻ (Bình Hòa)	59.999.914	6.743.601
Bà Bạch Thủy Kiều Phương (Hồng Ngự)	139.790.542	42.353.517
Bà Trần Thị Hoa (An Phú)	202.958.595	267.255.127
Bà Neang Pha Ly (Hà Tiên)	166.208.860	153.375.904
Ông Phan Thanh Mãi	188.957.114	227.837.685
Các khách hàng khác	2.337.664.971	1.843.385.757
	<b><u>3.095.579.996</u></b>	<b><u>2.540.951.591</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	2.027.133.988	(2.027.133.988)	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	75.086.186	2.222.380.649	(77.354.367)	-	2.220.112.468
Thuế Thu nhập cá nhân	-	34.715.082	118.779.483	(147.873.922)	-	5.620.643
Thuế Tài nguyên	-	752.640	8.346.240	(8.337.280)	-	761.600
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	54.597.965	-	2.214.703.729	(2.160.105.764)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	79.452.042	(79.452.042)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	1.941.800	8.509.611	(8.504.291)	-	1.947.120
	<b>54.597.965</b>	<b>112.495.708</b>	<b>6.679.305.742</b>	<b>(4.508.761.654)</b>	-	<b>2.228.441.831</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là không tính thuế, không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp "TNDN" hiện hành**

	2020 VND	2019 VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.101.282.804	(217.019.101)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(5.336.686.539)	(2.277.904.244)
- Các khoản điều chỉnh tăng	424.100.361	654.299.609
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.760.786.900)	(2.932.203.853)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.764.596.265</b>	<b>(2.494.923.345)</b>
Chuyển lỗ các năm trước	(4.651.533.927)	-
<b>Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>11.113.062.338</b>	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.222.612.468</b>	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	417.124.442
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	(29.193.514)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(29.193.514)
Tổng thu nhập chịu thuế	-	387.930.928
<b>Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	<b>387.930.928</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN điều chỉnh giảm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2019	(231.819)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	-	77.586.186
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>(231.819)</b>	<b>77.586.186</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.222.380.649</b>	<b>77.586.186</b>

75-00  
 5-TY  
 HỮU H  
 DÂN  
 AN GIANG  
 40  
 P.C. AN

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	99.356.714	106.054.430
Trích trước phí vận chuyển	162.121.240	256.284.670
Trích trước tiền thù lao của HĐQT và BKS	500.000.000	-
Trích trước các khoản chi phí khác	69.363.123	190.287.054
	<b>830.841.077</b>	<b>552.626.154</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	482.680.828	985.437.027
Phải trả về cổ phần hoá	435.857.100	435.857.100
Phải trả tiền ký quỹ bảo lãnh sửa chữa tài sản cố định	564.887.000	19.120.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	106.941.500	119.039.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	116.350.300	116.987.050
	<b>1.706.716.728</b>	<b>1.676.440.927</b>

**5.16.2 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	473.500.000	317.500.000
	<b>473.500.000</b>	<b>317.500.000</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2020	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Vietinbank - CN An Giang	(a) 27.065.330.918	88.403.583.991	(100.790.411.681)	14.678.503.228
Vietcombank - CN An Giang	(b) 44.648.796.789	63.511.796.450	(101.985.593.239)	6.175.000.000
BIDV - CN An Giang (VND)	(c) 8.499.854.618	182.405.129.542	(189.419.984.160)	1.485.000.000
Ngân hàng HSBC (Việt Nam)	(d) 1.000.000.000	15.750.000.000	(9.850.000.000)	6.900.000.000
Vay cá nhân	(e) 494.301.825	3.371.000	(497.672.825)	-
	<b>81.708.284.150</b>	<b>350.073.880.983</b>	<b>(402.543.661.905)</b>	<b>29.238.503.228</b>

(a) Đây là khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 100.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động chế biến kinh doanh lương thực, nguyên liệu nhập khẩu, thức ăn chăn nuôi
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2020 là 28.789.322.040 VND.

(b) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 130.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi, tạo chân hàng, xuất khẩu lương thực.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2020 là 19.585.874.454 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(c) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 100.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C,...
Hình thức đảm bảo	: Thẻ chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2020 là 4.858.089.523 VND.

(d) Đây là khoản vay của của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với các chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 4.000.000 USD quy đổi VND tương đương.
Mục đích vay	: Đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại.
Hình thức đảm bảo	: Thẻ chấp tài sản cố định, các khoản phải thu và hàng hóa trong kho.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản cố định được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2020 là 3.720.392.370 VND. Và Thẻ chấp các khoản phải thu 47.200.000.000 VND, giá trị hàng hóa trong kho 47.200.000.000 VND.

(e) Đây là khoản vay cá nhân với lãi suất bằng với lãi suất thị trường theo từng thời điểm vay vốn. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng. Phương thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

**5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2020	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	585.962.286	-	(178.000.000)	407.962.286
Quỹ phúc lợi	5.287.646	-	-	5.287.646
	<b>591.249.932</b>	<b>-</b>	<b>(178.000.000)</b>	<b>413.249.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")****5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>7.955.513.581</b>	<b>6.058.735.928</b>	<b>364.014.249.509</b>
Lãi trong năm			122.519.155	122.519.155
Trích lập các quỹ	-	301.072.381	(301.072.381)	-
Chia cổ tức năm 2018			(5.250.000.000)	(5.250.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		(301.072.381)	(301.072.381)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>8.256.585.962</b>	<b>329.110.321</b>	<b>358.585.696.283</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>8.256.585.962</b>	<b>329.110.321</b>	<b>358.585.696.283</b>
Lãi trong năm	-	-	18.878.902.155	18.878.902.155
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>8.256.585.962</b>	<b>19.208.012.476</b>	<b>377.464.598.438</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.19.2 Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp Nhà nước - Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	178.500.000.000	51,00%	178.500.000.000	51,00%
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần	71.816.500.000	20,52%	71.816.500.000	20,52%
Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang	30.187.500.000	8,63%	30.187.500.000	8,63%
Cổ đông khác	69.496.000.000	19,85%	69.496.000.000	19,85%
	<b>350.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**5.19.3 Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/Cổ phần		

**5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	5.299,47	5.394,83
Euro (EUR)	228,07	238,99

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	755.125.176.362	770.209.989.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.865.392.425	14.778.084.182
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	250.000
	<b>760.990.568.787</b>	<b>784.988.323.880</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	2020	2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	10.483.951.650	11.128.787.657
Hàng bán bị trả lại	336.542.570	711.932.600
	<b><u>10.820.494.220</u></b>	<b><u>11.840.720.257</u></b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	701.817.789.184	712.242.360.583
Giá vốn của dịch vụ	5.122.650.198	11.082.697.733
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.308.103.580)	(1.120.760.216)
	<b><u>705.632.335.802</u></b>	<b><u>722.204.298.100</u></b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.818.642.671	5.047.403
Lãi đầu tư góp vốn, góp vốn liên doanh	5.760.786.900	2.932.203.853
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.362.380	108.031.654
Lãi trễ hạn thanh toán	2.890.365.940	-
	<b><u>10.473.157.891</u></b>	<b><u>3.045.282.910</u></b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.200.781.679	5.776.416.006
Chiết khấu thanh toán	1.843.991.908	1.760.642.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.206.871	105.414.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	178.042	25.595
	<b><u>4.048.158.500</u></b>	<b><u>7.642.498.233</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.6 Chi phí bán hàng**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.934.731.249	3.208.908.735
Chi phí vật liệu, bao bì	166.258.570	532.060.254
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	59.532.715	65.434.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	297.158.595	679.563.125
Chi khuyến mãi, phát triển thị trường	4.051.765.336	6.682.670.680
Chi phí vận chuyển	4.060.321.950	5.302.370.009
Chi phí bán hàng khác	5.706.364.073	6.260.891.895
	<b>17.276.132.488</b>	<b>22.731.899.503</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.320.191.806	4.495.508.553
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	148.474.787	146.460.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.472.218	177.777.904
Chi phí thuế, lệ phí	100.329.123	103.443.123
Chi phí dự phòng	283.798.655	895.898.489
Chi phí giá trị lợi thế kinh doanh	5.657.357.532	5.657.357.532
Chi phí quản lý khác	2.255.546.006	2.440.889.310
	<b>12.895.170.127</b>	<b>13.917.335.154</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	2020	2019
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	229.045.142	1.411.133.393
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>426.263.635</i>	<i>1.894.890.908</i>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	<i>(197.218.493)</i>	<i>(483.757.515)</i>
Thu từ bán heo loại, công cụ lao động	698.757.727	581.133.274
Thu nhập từ bồi thường hao hụt	28.500.000	121.970.397
Thu nhập khác	17.898.830	130.990.700
	<b>974.201.699</b>	<b>2.245.227.764</b>

**6.9 Chi phí khác**

	2020	2019
	VND	VND
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư bàn giao UBND Huyện Châu Phú	-	1.460.082.023
Giá trị còn lại của heo loại, công cụ lao động	595.827.361	331.669.319
Giá trị heo tiêu hủy do dịch tả lợn Châu Phi	-	9.699.887.168
Bồi thường hao hụt hàng hóa	14.190.000	51.156.000
Chi phí khác	54.337.075	199.183.456
	<b>664.354.436</b>	<b>11.741.977.966</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.878.902.155	122.519.155
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.878.902.155	122.519.155
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	35.000.000	35.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>539</b>	<b>4</b>

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	655.274.806.542	793.641.232.774
Chi phí nhân công	28.734.101.793	32.297.436.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.180.877.575	10.419.028.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.313.524.836	45.006.045.411
Chi phí khác	18.197.130.109	21.100.103.207
	<b>746.700.440.855</b>	<b>902.463.845.814</b>

48996  
CÔNG  
NHIỆM H  
M TO  
VIỆT  
I NHẢ  
ẤN TH  
'G - TP

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	2020	2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	350.073.880.983	581.850.422.791
	<b>350.073.880.983</b>	<b>581.850.422.791</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	2020	2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	402.543.661.905	604.897.222.799
	<b>402.543.661.905</b>	<b>604.897.222.799</b>

**8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### ***Rủi ro về tỷ giá hối đoái***

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### ***iii. Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Các khoản vay và nợ	29.238.503.228	-	29.238.503.228
Phải trả người bán, phải trả khác	20.532.140.922	473.500.000	21.005.640.922
Chi phí phải trả	830.841.077	-	830.841.077
	<b>50.601.485.227</b>	<b>473.500.000</b>	<b>51.074.985.227</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2020</b>			
Các khoản vay và nợ	81.708.284.150	-	81.708.284.150
Phải trả người bán, phải trả khác	25.765.529.598	317.500.000	26.083.029.598
Chi phí phải trả	552.626.154	-	552.626.154
	<b>108.026.439.902</b>	<b>317.500.000</b>	<b>108.343.939.902</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7, 5.9, 5.10).

**Giá trị hợp lý**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	54.941.508.440	47.569.362.549	54.941.508.440	47.569.362.549
<i>Các khoản phải thu khác</i>	5.591.487.908	221.606.415	5.591.487.908	221.606.415
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	12.764.771.521	3.284.302.038	12.764.771.521	3.284.302.038
<b>Tổng Cộng</b>	<b>73.297.767.869</b>	<b>51.075.271.002</b>	<b>73.297.767.869</b>	<b>51.075.271.002</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	29.238.503.228	81.708.284.150	29.238.503.228	81.708.284.150
Phải trả người bán	19.743.962.122	25.510.382.798	19.743.962.122	25.510.382.798
Phải trả khác	1.261.678.800	572.646.800	1.261.678.800	572.646.800
Chi phí phải trả	830.841.077	552.626.154	830.841.077	552.626.154
<b>Tổng Cộng</b>	<b>51.074.985.227</b>	<b>108.343.939.902</b>	<b>51.074.985.227</b>	<b>108.343.939.902</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

##### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	2020	2019
	VND	VND
Lương, thưởng và thù lao	1.245.850.000	1.260.900.000

##### 9.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

*Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết:*

	2020	2019
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc</b>		
Lãi góp vốn liên doanh	1.818.169.582	1.310.150.712

*Công nợ phải thu với công ty liên doanh, liên kết như sau:*

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc</b>		
Lãi góp vốn liên doanh	1.186.222.139	-

#### 9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận của Công ty chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**9.2.1. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản
- Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ VND	Cộng  VND
<b>2020</b>			
Doanh thu thuần	744.304.682.142	5.865.392.425	750.170.074.567
Chi phí chờ phân bổ	(700.509.685.604)	(5.122.650.198)	(705.632.335.802)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>43.794.996.538</b>	<b>742.742.227</b>	<b>44.537.738.765</b>
Chi phí không phân bổ			(30.171.302.615)
Thu nhập hoạt động tài chính			10.473.157.891
Chi phí hoạt động tài chính			(4.048.158.500)
Thu nhập khác			974.201.699
Chi phí khác			(664.354.436)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>21.101.282.804</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(2.222.380.649)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>18.878.902.155</b>
<b>Vào ngày 31/12/2020</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	291.392.647.150	71.627.920	291.464.275.070
Tài sản không phân bổ			143.911.118.282
<b>Tổng tài sản</b>	<b>291.392.647.150</b>	<b>71.627.920</b>	<b>435.375.393.352</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	25.552.268.335	53.743.237	25.606.011.572
Nợ phải trả không phân bổ			32.304.783.342
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>25.552.268.335</b>	<b>53.743.237</b>	<b>57.910.794.914</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ VND	Cộng  VND
<b>2019</b>			
Doanh thu thuần	758.369.269.441	14.778.334.182	773.147.603.623
Chi phí chờ phân bổ	(711.121.600.367)	(11.082.697.733)	(722.204.298.100)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>47.247.669.074</b>	<b>3.695.636.449</b>	<b>50.943.305.523</b>
Chi phí không phân bổ			(36.649.234.657)
Thu nhập hoạt động tài chính			3.045.282.910
Chi phí hoạt động tài chính			(7.642.498.233)
Thu nhập khác			2.245.227.764
Chi phí khác			(11.741.977.966)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>200.105.341</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(77.586.186)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>122.519.155</b>
<b>Vào ngày 01/01/2020</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	407.651.824.710	16.170.370.789	423.822.195.499
Tài sản không phân bổ			49.536.096.991
<b>Tổng tài sản</b>	<b>407.651.824.710</b>	<b>16.170.370.789</b>	<b>473.358.292.490</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	31.504.751.047	473.961.458	31.978.712.505
Nợ phải trả không phân bổ			82.793.883.702
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>31.504.751.047</b>	<b>473.961.458</b>	<b>114.772.596.207</b>

**9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý**

Thông tin thuyết minh về khu vực địa lý bao gồm nội địa và xuất khẩu. Tuy nhiên doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ nên Công ty không trình bày.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**9.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO**  
Người lập biểu



**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Kế toán trưởng



**HỮA MINH TRÍ**  
Phó Tổng Giám đốc  
An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021

